

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ- ST

Ngày 30-3-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Văn Nh, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Tr trình bày có nội dung: Bà và ông Đặng Văn Nh tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/9/1998 tại UBND xã T, huyện K, nay là UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nh ngoại tình với người phụ nữ khác nên không chăm sóc, thương yêu bà nữa. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông Đặng Văn Nh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nh có 2 con chung Đặng Trung Ng - sinh 16/2/2000 và Đặng Trung K, sinh ngày 6/5/2002 hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung bà Tr không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không có thay đổi, bổ sung gì khác.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Đặng Văn Nh trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như bà Tr trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do ông Nh làm thợ xây phải xa nhà nên nảy sinh bài bạc thua lỗ, vì mặc cảm mọi người và gia đình bên ngoại sợ ông Nh cướp đất nên ông Nh chán nản, từ đó ông Nh không muốn về nhà nữa. Nay bà Tr xin ly hôn ông Nh đồng ý.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng ông Nh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không thực hiện đúng theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà Phạm Thị Thu Tr được ly hôn ông Đặng Văn Nh.

Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 12/10/2020 Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đặng Văn Nh đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu Tr và ông Đặng Văn Nh là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Tr và ông Nh đăng ký kết

hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/9/1998 tại UBND xã T, huyện K (nay là UBND phường T), thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, sau khi kết hôn ông Nh, bà Tr sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nh ngoại tình với người phụ nữ khác nên không chăm sóc, thương yêu bà Tr và hiện nay ông Nh, bà Tr đã sống ly thân nhau.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Nh, bà Tr thì địa phương xác định: Về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nh và bà Tr như thế nào thì địa phương không nắm được, tuy nhiên vợ chồng ông Nh và bà Tr không còn chung sống với nhau, đã ly thân một thời gian dài. Mặt khác trong bản tự khai ông Nh cũng đồng ý ly hôn với bà Tr.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu Tr và ông Đặng Văn Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho bà Phạm Thị Thu Tr ly hôn ông Đặng Văn Nh là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Có 2 con chung Đặng Trung Ng - sinh 16/2/2000 và Đặng Trung K, sinh ngày 6/5/2002 hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4.3] Về tài sản: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Tr.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu Tr được ly hôn với ông Đặng Văn Nh.

2.Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản: Bà Phạm Thị Thu Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0015569 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm